

SỰ QUÂN BÌNH GIỮA TÂM VÀ TRÍ TRONG THIÊN HỌC LÝ - TRẦN QUA THUYẾT *TAM BAN* CỦA NGỘ ẤN THIÊN SƯ

NGUYỄN CÔNG LÝ^(*)

I. Về mặt triết học, thông thường khi nói đến “Tâm” và “Trí” người ta nghĩ rằng đây là hai phạm trù đối lập nhau

Trí là lí trí, trí tuệ. Nói đến trí là nói đến sự rạch ròi, khúc triết với tư duy logic, là nhận thức lí tính, mang tính chất nghiêm khắc, khô khan.

Tâm là tình cảm, tâm linh. Nói đến tâm là nói đến sự mềm mại, uyển chuyển, là tư duy tình cảm, nhận thức cảm tính. Nói cách khác, đó là sự trực cảm tâm linh.

Thiên chú trọng đến tâm nên gọi là *Tâm tông*, cũng còn gọi là *Định niệm tông*, vì chủ trương dùng tâm để suy tưởng, để chiêm nghiệm tìm thấy chân lí, theo kiểu trực cảm tâm linh. Đây là một tông phái thuộc Đại thừa Phật giáo với phép tu *đốn ngộ*, chủ trương Tâm truyền: “Trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật; dĩ tâm truyền tâm, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền”. Thiên có gốc gác từ triết học cổ đại Ấn Độ, trước thời Thích Ca. Gọi cho đủ là Thiên na, phiên âm từ chữ Dhyana của ngôn ngữ Sanscrit, hay Jhanà của ngôn ngữ Pali. Hồi ấy, Thiên là một pháp môn tu tập theo khuynh hướng tư duy, suy lí của phái Du Già (Yoga), một trong sáu phái triết học cổ đại Ấn Độ. Để tu tập, các vị đạo sĩ Bà La Môn (Brahmana) của phái Du Già ngồi trang nghiêm ngay ngắn dưới gốc cây để

minh tưởng, quán tưởng. Phép tu này rất bổ ích cho việc trau dồi tâm tính, hoà hợp giữa cá tính với bản thể. Thích Ca là người cải biến phép tu của phái Du Già thành Thiên định, tạo nên sự quân bình hoà hợp giữa trí tuệ và tâm linh bằng cách thể nghiệm và đạt quả Vô thượng Bồ Đề sau 49 ngày đêm ròng rã dưới gốc cây Tất Bát La (Pippala, giờ gọi là cây Bồ đề). *Thuật ngữ Dhyana* lại xuất phát từ Kinh *Upanisad* (Áo Nghĩa Thư) một kinh của Bà La Môn giáo thời kì thứ 3 với chủ trương “Phạm - ngã đồng nhất”. Theo kinh này, những người có tâm lượng vĩ đại đều được gọi là Dhyana và được người đời kính ngưỡng.

Muốn thiên định, người thực hành phải sống hoà mình trong chân lí, chiêm nghiệm nó thì mới thông tỏ, bùng vỡ chân lí. Trước hết, phải lắng đọng tâm niệm để suy nghĩ, để quán tưởng. *Định* là để tâm chuyên chú, nhiếp tâm, làm cho tâm không loạn động, không rong ruổi theo ngoại cảnh. Định là trạng thái tâm niệm bình đẳng. Nói cách khác, định là một trạng thái tâm lí chứng ngộ bằng trực cảm tâm linh thể hiện sự quân bình giữa tâm linh và trí tuệ thông qua phép tu thiên. Huệ Năng có nói: “Thoát li tất cả hư trần huyễn tướng là thiên; đoạn trừ

*. TS, Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang.

tất cả tâm niệm loạn động, tà khúc là định" (*Pháp Bửu Đàn Kinh*); Còn Huệ Hải thiên sư thì cho rằng: "Vọng niệm chẳng sinh là thiên, ngôi thấy bản tính là định" (*Đốn ngộ nhập đạo yếu môn*). Kinh *Lăng già*, kinh yếu chỉ của Thiên tông viết rằng: "Tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt", vì "tất cả đều do tâm tạo ra" - (nhất thiết duy tâm tạo). Lời Đức Thích Ca căn dặn đệ tử trước lúc nhập Niết Bàn có chép trong kinh *Di giáo* cũng chú trọng đến tâm: "Kìm tâm một chỗ thì không việc gì chẳng xong". Tôi nói hơi dông dài về thiên, về tâm với mục đích là nói đến tư duy, phương pháp tu tập của thiên là *trực cảm tâm linh*, thấy rõ "tất cả ở chỗ không tâm" thì mới đạt đạo.

Có sống hoà đồng với ngoại giới, với chân lí, có chiêm nghiệm nó thì phút chốc sẽ bùng vỡ bằng trực cảm chứ không thể bằng suy lí. Nhưng bước đầu để hiểu được chân lí, trước khi hoà đồng, chiêm nghiệm thì phải dùng tư duy lí tính, dùng trí tuệ, dùng suy lí. Chỉ có trực cảm tâm linh mới thấy "tâm pháp nhất như", "vạn vật nhất thể". Điều mà tư duy trí tuệ theo lí tính còn phân biệt, còn đối đãi, chứ không thể thông rõ trong sự thống nhất hài hoà. Đây là kết quả của tinh thần điều hoà, dung hợp, quân bình giữa tâm linh và hiện thực, giữa tâm và trí. Ngay cả khi đọc tiểu truyện các thiên sư Lý - Trần trong *Thiên Uyển Tập Anh*, hay các truyện các Đức Lạt Ma của Mật tông (Tây Tạng), chúng ta lại thấy có tính chất thần thuật như: Chuyện về Nguyễn Minh Không, Từ Đạo Hạnh, Makha, v.v... và dù có khuynh hướng thần thuật đi nữa các vị cũng vận dụng năng lực tâm linh để điều khiển sức mạnh thiên nhiên, điều khiển ngoại giới theo ý của mình. Bởi giữa tâm linh con người với hiện tượng thiên nhiên bao giờ cũng có mối quan hệ mật thiết.

Khoa học ngày nay cũng từng nói về *dòng điện sinh học, về ngoại cảm*, cũng không ngoài mối quan hệ - liên hệ trên. Tính chất thần bí hoang đường khó tin ở trên lại đi song song với với tính chất thực nghiệm tâm linh, làm nên sự quân bình. Từ Đạo Hạnh dù có đạt phép thần thông nhưng trong lòng vẫn còn mang thù hận, nên khi nghe Kiều Trí Huyền giảng thuyết thì mù tịt, chẳng hiểu. Đến khi thù cha đã trả, lòng sạch nhẹ không ông mới chứng ngộ. Tuy vậy vẫn còn luân hồi tức thác sinh làm vua Lý Thần Tông và mắc bệnh hoá cọp sau này. Minh Không phủ nhận thần thông của mình bằng cách phát biểu: "Thần vốn bị bệnh phong, lúc phát bệnh không còn thấy biết gì nữa, nên cứ tin thế mà đi, đó không phải là thần thông" (TUTA). Cũng nhờ chứng nghiệm bằng trực cảm tâm linh mà có được hình ảnh "đêm qua hoa nở trước sân trong lúc xuân tàn hoa rụng" của Mãn Giác thiên sư; mà có "tiếng kêu dài trên đỉnh núi trở trời làm lạnh cả bầu trời" của Không Lộ thiên sư; còn Quảng Nghiêm thì khuyên "kẻ nam nhi có chí thì đừng đi theo bước chân của Như Lai". Tuệ Trung Thượng sĩ vừa làm quan trị nước, vừa hành đạo và chứng đạo trong vòng tay thê thiếp, giữa cuộc đời lãng xảng; trong khi đó ông vẫn ăn chay lẫn ăn mặn. Nhờ trực cảm tâm linh, tạo được sự quân bình giữa tâm và trí mà Thái Tông bỏ ngôi đi tu, lại trở về ngôi vừa trị nước, vừa đánh giặc, vừa tu thiên (*Thiên tông chỉ nam tự*); Nhà vua sống trong nhung lụa, hưởng cao lương mỹ vị nhưng vẫn ý thức con người chỉ là nô lệ cho thanh sắc (*Khoá hư lục*), nên đã thiên định, tu tập và chứng ngộ.

Trong thiên học và văn học Phật giáo thời Lý - Trần, tính chất quân bình giữa tâm và trí thể hiện thật hài hoà. Ở đây

không có sự đối lập, tranh chấp giữa 2 thể lực nội tâm mà bề ngoài vốn xung khắc nhau. Những lời kệ, lời thơ mang những tư tưởng trong sáng với những hình ảnh sinh động lung linh, sỗ dĩ không phải là những mệnh lệnh nghiêm khắc, khô khan, lôgic, chặt chẽ của trí tuệ, của khối óc là vì có sự thoả thuận của tâm linh trực cảm, sự rung động mềm mại uyển chuyển của con tim. Trước khi đạt đến sự quân bình này, con người ta phải trải qua bao nhiêu mê lầm, chấp trước, phân biệt đối đãi. Chỉ sau khi giác ngộ, tâm trí mới thanh thản và thấy rõ; Y như lớp mây mù vô minh đã bị quét sạch khỏi tâm hồn thì trí tuệ bát nhã sẽ sáng tỏ như “con quạ vàng”, như “chú thỏ ngọc” trên nền trời vào lúc thời tiết tốt đẹp (Bảo Giám thiền sư). Cũng như ngày xưa, lúc còn trẻ, Trần Nhân Tông thấy rộ ràng khi ngày xuân hoa nở và khi đã đạt đạo thì hiểu rõ và lúc này tha hồ “chiếu cạ giường sư ngắm bóng hồng” (Mộ), mà lòng vẫn trống không, chân như.

II. Sự quân bình giữa tâm và trí còn đưa đến một kết quả siêu việt hơn đó là *sự thống nhất giữa tri thức lí thuyết, hành động thực tế và động cơ tình cảm* của thiền sư. Điều này thể hiện rất rõ trong thuyết *Tam Ban* của *Ngộ Ấn thiền sư*.

1. *Ngộ Ấn*, theo sách *Thiền Uyển Tập Anh*, bản Vĩnh Thịnh năm thứ 11 (1715) tờ 22a - b có ghi: Thiền sư họ Đàm tên Khí, người đất Tư Lý, hương Kim Bài, sinh năm 1020 mất năm 1088. Khi bà mẹ họ Cù sinh ra ông, thấy mặt mũi xấu xí nên ghét, bỏ ông trong rừng. Một sư cụ họ Đàm người Chiêm Thành thấy vậy đem về nuôi và đặt tên cho ông. (Khí có nghĩa là vứt bỏ). Lên mười, học Nho, giỏi cả Hán lẫn Phạn, 19 tuổi xuất gia, tinh thông hai bộ kinh *Viên Giác* và *Pháp*

Hoa. Sau sư được Quảng Trí thiền sư ở chùa Quán Đỉnh truyền tâm ấn, rồi về trụ trì chùa Long Ân trên núi Ninh Sơn, phủ Ứng Thiên. Thiền sư thuộc thế hệ thứ tám dòng thiền Vô Ngôn Thông (Quán Bích).

2. Để trả lời câu hỏi: Thế nào là Phật? Thế nào là Pháp? Thế nào là Thiên? *Ngộ Ấn* đáp rằng: “Vô thượng pháp vương tại thân vi Phật, tại khẩu vi Pháp, tại tâm vi Thiên. Tuy thị tam ban, kì quy tắc nhất, dụ như tam giang chi thủy, tùy xứ lập danh, danh tuy bất đồng, thủy tính vô dị” (TUTA, tờ 22b):

Tạm dịch: “Đức Vô thượng pháp vương ở thân là Phật, ở miệng là Pháp và ở tâm là Thiên. Tuy là ba ban nhưng đều quy về một mối, cũng ví như nước của ba nhánh sông, tùy địa phương gọi khác nhau nhưng tính chất của nước là một”.

Thuyết *Tam Ban* của *Ngộ Ấn* là chủ trương thống nhất, thực tiễn nhất trong thiền học Lý - Trần. Tuy nhà sư có kế thừa và thấu hiểu nguyên nguyên của kinh *Pháp Hoa*, kinh *Viên Giác* khi nêu ra thuyết này, nhưng đây vẫn là triết lí độc đáo, đầy sáng tạo khi đã tiếp thu và thấu triệt tinh hoa của tư tưởng nước ngoài.

- *Ở thân là Phật*: Thân Phật là chân lí nhập thể, tức Đức Phật nhập thế gian để hành đạo bằng những hành động hi sinh của chính bản thân mình. Ở “thân là Phật” tương ứng với hành động thực tế, cần phải có ý chí mạnh mẽ, quả cảm đủ để chấp nhận những thiệt thòi về phần mình. Đây là đức Dũng của luân lí Phật giáo.

- *Ở miệng là Pháp*: Nhưng trước khi làm được những hành động cứu đời, phải có cái biết đầy đủ, trọn vẹn (viên giác) và bậc giác giả lại cứu đời bằng cách giác tha: giảng

thuyết cho người đời biết về giả tướng, về thực thể của vạn sự vật (pháp) để họ có thể giác ngộ được chân lí màu nhiệm. Vậy “ở miệng là pháp” tương ứng với trí thức biện luận, tức dùng đến lí thuyết, ngôn ngữ của thế giới nhị nguyên tương đối. Đây là đức *Trí* của luân lí Phật giáo.

- *Ở tâm là Thiên*: Nhưng đặc sắc của triết học Phật giáo là phủ định triệt để, kể cả Niết Bàn. Nhất là Thiên tông lại không trọng ngôn ngữ bằng *trực giác* (tâm), bằng *trực cảm tâm linh*, vì nó giúp cho người tu tập thấu đạt chân lí một cách trực tiếp qua quá trình chiêm nghiệm (đĩ tâm truyền tâm). Và lại, tự giác và giác tha là lí tưởng của bậc giác ngộ bao giờ cũng xuất phát từ nơi tâm, thực hiện do động cơ tâm linh thúc đẩy (Phật tại tâm; Nhất niệm khởi thiện ác dĩ phân). Vậy tâm là động cơ tình cảm thúc đẩy bậc giác ngộ ở lại thế gian để cứu vớt con người trong cảnh trầm luân. Cũng như thái tử Tất Đạt Đa xưa kia quyết lìa bỏ ngai vàng, thoát li gia đình chỉ vì động lực duy nhất muốn tự mình thoát khỏi và muốn cứu vớt nhân loại vượt khỏi cảnh sinh, lão, bệnh, tử. Đây là đức *Bi* trong luân lí Phật giáo.

Vậy Phật, Pháp, Thiên (Thân, Khẩu, Tâm) chung quy là ba phương diện của cùng một chân lí màu nhiệm, thực hiện bằng cả con người và cuộc đời của Đức Phật hay những người theo Phật. Lí trí, tình cảm, hành động bao giờ cũng bao gồm trong một thân xác.

Có thể nói thuyết *Tam Ban* của sư Ngô Ấn là một chủ trương kiểu “Tri hành hợp nhất” đầy đủ và thật đặc sắc của thiên học Lý - Trần. Ngày nay, tuy không mới nhưng hồi ấy quả là mới mẻ trong tư

tưởng giới vì đã thể hiện một tư tưởng quân bình tuyệt đối và độc đáo của dân tộc đang muốn dung hoà các khuynh hướng mâu thuẫn bấy giờ: Một đằng là khuynh hướng siêu thoát theo sự đòi hỏi của cá nhân; một đằng là khuynh hướng nhập thế cuộc theo sự đòi hỏi của đời sống tổ chức của một dân tộc vừa phục hưng.

Khả năng đặc biệt của tinh thần Việt Nam, ý thức độc lập tự cường của dân tộc sống giữa địa bàn ngã ba của hai trào lưu tư tưởng mạnh mẽ của thế giới, của phương Đông là Ấn Độ và Trung Quốc đã thể hiện trong triết lí của Ngô Ấn. Khả năng dung hoà và Việt hoá tư tưởng này rất cần cho những dân tộc đang phục hưng như dân tộc ta. Chính đức Bi, Trí, Dũng với sự quân bình giữa tâm và trí đã ảnh hưởng lớn đến văn hóa, đạo đức, chính trị xã hội bấy giờ. Vua Lý Thái Tông tha tội làm phản cho Nùng Trí Cao; Lý Thánh Tông tha tội chết cho vua Chiêm Thành là Chế Củ, sai phát chẩn chiếu cho tù nhân và cho ăn uống đầy đủ trong mùa đông giá rét, với lòng “thương dân như thương con”, vua Lý Nhân Tông chỉ cách chức và đày Thái sư Lê Văn Thịnh đi xa, dù ông này dùng phép hoá cọp để hại mình hầu cướp ngôi vua; Trần Thái Tông sai đốt tráp đựng thư hàng giặc Nguyên của một số quan lại mà không đọc, chỉ vì để tránh việc hỏi tội họ; tha tội cho Hoàng Cự Đà vì ông này không được vua cho ăn xoài nên bỏ vua giữa lúc đang tránh loạn. Trần Nhân Tông sau khi chiến thắng quân xâm lược, đã nhường ngôi cho con rồi đi thuyết pháp trong dân gian, truyền bá đạo từ bi, khuyên nhân dân xoá bỏ các dâm từ cùng mê tín dị đoan. Tất cả là nhờ sự quân bình giữa tâm và trí của thiên học Lý - Trần./.